

**DANH XƯNG THANH HÓA CÓ TỪ BAO GIỜ**  
**Nhà nghiên cứu Lê Xuân Kỳ, Hội Khoa học Lịch sử Thanh Hóa.**

Cuộc hội thảo của chúng ta có chủ đề “*Danh xưng Thanh Hóa có từ bao giờ và những cù liệu lịch sử*”. Nhiều tỉnh trên đất nước ta đã từng đặt cho giới sử học câu hỏi tương tự như vậy. Và nhiều tỉnh đã tổ chức hội thảo, tổ chức kỷ niệm ngày lập tỉnh của họ.

Trong lịch trình phát triển của Việt Nam, Thanh Hóa có vị trí riêng: Có lịch sử từ ngày lập quốc, có nền văn hóa Đông Sơn rực rỡ, có nhiều vị anh hùng lập quốc, có vị tổ Trung hưng của dân tộc, sáng lập các triều vua (Tiền Lê, Hò, Hậu Lê, Nguyễn), có dòng chúa (Trịnh, Nguyễn).

Bây giờ đặt ra một câu hỏi: Trong những chặng đường lịch sử vẻ vang ấy, Thanh Hóa xuất hiện năm, tháng nào? Tấm giấy khai sinh của Thanh Hóa vào thời khắc nào? Như một người đánh mất giấy khai sinh, nay muốn tìm lại ngày chào đời của mình là việc vất vả, thật khó.

Các tỉnh đã tìm và tìm thấy, nay đến lượt chúng ta. Tiêu chí mà chúng ta đi tìm là “danh xưng”. Thế còn địa giới hành chính? Trong lịch sử đất nước, địa giới hành chính luôn thay đổi, tách, nhập... Chỉ lấy riêng Thanh Hóa việc tách, nhập, đổi tên... cũng đã làm các nhà sử học đau đầu. Ví như: Nguyễn Trãi viết “Thọ Xuân có ngà voi, sừng tê...”. Nhiều người không rõ đã kêu lên: một vùng đồng bằng mênh mông sao lại có voi, có tê giác. Mãi sau ta mới rõ đây là huyện Thọ Xuân khác ở miền núi (Thường Xuân). Rồi huyện Bá Thước. Cho đến lúc này ta vẫn định ninh nó ra đời năm 1925. Sách *Địa chí huyện Bá Thước* in năm 2015 khẳng định huyện Bá Thước được thành lập năm 1925. Cách đây mấy tháng, Huyện ủy, UBND huyện Bá Thước được Viện Hán - Nôm, Viện Sử học tìm trong kho lưu trữ tấm “giấy khai sinh” đền năm 1928 do chính tay vua Bảo Đại và Khâm sứ Trung Kỳ, lại có cả việc cử ông Hà Triều Nguyệt làm Tri châu. Mới có 87 năm (1928 - 2015) mà tất cả chúng ta đều không nhớ ra.

Do đó, với vấn đề “Danh xưng Thanh Hóa” ta càng phải thận trọng. Cũng may, đại thể từ khi ra đời Thanh Hóa hầu như chưa có chuyện tách nhập (trừ trường hợp ngoại trấn Thanh Hóa - Ninh Bình) và mấy huyện kỳ mi (tổ chức lồng leó) là: Trình Cố, Man Duy, Sầm Nưa.

Xin nêu ra những sách, tài liệu đã viết về vấn đề này:

**A. Các sách in trước năm 1945:**

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*.
2. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*.
3. *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi.
4. *Đồng Khánh dư địa chí*.
5. *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú.

6. *Tỉnh Thanh Hóa* của H. Le Breton.
7. *Tỉnh Thanh Hóa* của Charles RoBequain.
8. *Sử học bị khảo* của Đặng Xuân Bảng.
9. *Việt Nam quốc sử khảo* của Phan Bội Châu.

**B. Các sách in sau năm 1945:**

1. *Đất nước Việt Nam qua các đời* của Đào Duy Anh.
2. *Đại cương lịch sử Việt Nam* của Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ.
3. *Việt Nam những sự kiện lịch sử* - Viện sử học.
4. *Đại cương lịch sử Việt Nam* - Nxb. Giáo dục.

**C. Văn bia (in thành sách):**

1. Bia thời Lý - Trần.
2. Bia thời Lê.
3. Thần tích, thần sắc Thanh Hóa.
4. Các sách lịch sử Thanh Hóa do Ban nghiên cứu và Biên soạn Lịch sử Thanh Hóa. Sách do UBND tỉnh in.
5. Địa chí Thanh Hóa và các huyện Thọ Xuân, Cẩm Thủy, Bá Thước, Đông Sơn...

Trên đây là mấy chục cuốn sách, tấm bia nói sự ra đời của tỉnh Thanh Hóa.

Trước hết là sách *Đại Việt sử ký toàn thư*<sup>(1)</sup> viết:

*“Tân Mão, Hội Tường Đại Khánh năm thứ 2 (1111), Tống Chính Hòa năm thứ 1, mùa xuân, phủ Thanh Hóa dâng cây cau một gốc 9 thân.*

*Mùa thu được mùa to.*

*Mặt trời có hai quầng”.*

Trước năm 1111 *Đại Việt sử ký toàn thư* chưa bao giờ nói đến khái niệm “phủ Thanh Hóa”. Các sách ở Thanh Hóa (cả xưa và nay) đều ghi chú: “Tên gọi Thanh Hóa có từ đây”. Nhưng đọc cho kỹ câu “mùa xuân, phủ Thanh Hóa dâng cây cau một gốc 9 thân” (không nói đến năm ra đời của Danh xưng “Thanh Hóa”. Năm 1111 đã là “phủ Thanh Hóa”. Vậy theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, Thanh Hóa phải có trước năm 1111.

*Việt sử thông giám cương mục*<sup>(2)</sup> viết:

“Thanh Hóa: Đời Hùng Vương xưa Thanh Hóa thuộc bộ Cửu Chân; nhà Tân, thuộc Tượng Quận; nhà Hán, là quận Cửu Chân; Ngô, Tân và Tống cũng theo tên cũ

---

(1). Quốc sử quán triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Văn hóa Thông tin, 2003, tập 2, tr.439.

(2). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb. Giáo dục, 2004, tập 2, tr.1078.

của Hán; Lương Võ đế đổi Cửu Chân làm Ái Châu; nhà Tùy lại gọi là Cửu Chân quận; nhà Đường chia đặt làm 2 quận: Ái Châu và Cửu Chân.

Nhà Đinh và nhà Lê gọi Thanh Hóa là Ái Châu; nhà Lý đổi làm trại, năm Thiên Thành thứ 2 (1029) đổi làm Thanh Hoa phủ; nhà Trần năm Nguyên Phong thứ 6 gọi là trại; khoảng năm Thiệu Phong lại đổi làm lộ, chia đặt 3 phủ là: Thanh Hoa, Cửu Chân và Ái Châu; năm Quang Thái thứ 10 đặt trấn Thanh Đô, đem 3 phủ này lệ vào trấn ấy; nhuận Hồ đổi phủ Thanh Hóa làm phủ Thiên Xương, hợp với Cửu Chân, Ái Châu làm tam phủ, gọi là Tây Đô; thuộc Minh hợp lại làm phủ Thanh Hóa; nhà Lê năm Thuận Thiên nguyên niên đổi thuộc đạo Hải Tây; năm Thiệu Bình thứ 2, Thanh Hóa có 6 phủ lệ thuộc là: Thiệu Thiên, Hà Trung, Tĩnh Gia, Thanh Đô, Trường Yên và Thiên Quan; năm Quang Thuận thứ 7 đặt làm Thanh Hóa thừa Tuyên; đến đây trích 2 phủ Trường Yên và Thiên Quan cho lệ thuộc vào Sơn Nam; năm Hồng Đức thứ 21 đổi làm xứ; khoảng giữa năm Hồng Thuận gọi là trấn, rồi lại trích lấy 2 phủ Trường Yên và Thiên Quan ở Nam Sơn cho lệ thuộc vào, gọi là Thanh Hoa ngoại trấn; nhà Ngụy Tây đem Thanh Hoa ngoại trấn lệ thuộc vào Bắc Thành; bản triều năm Gia Long nguyên niên vẫn gọi là trấn và đem Thanh Hoa ngoại trấn lệ thuộc vào; năm thứ 5 đổi ngoại trấn làm Thanh Bình đạo; năm Minh Mệnh thứ 2 đổi làm Ninh Bình đạo; năm thứ 10 đúng riêng làm Ninh Bình trấn; năm thứ 12 chia thành hai quản hạt: nội trấn làm Thanh Hoa tỉnh; ngoại trấn là Ninh Bình tỉnh; năm Thiệu Trị thứ 3 đổi nội trấn làm Thanh Hóa tỉnh”.

Vậy là các nhà sử học thời Tự Đức đã lấy năm 1029 là năm Danh xưng Thanh Hóa. Trong sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đều ghi “lời chua”, “lời cẩn án”, “xét” đều đặt ở phần chính văn.

Cuốn sách thứ 3 in sớm nhất (đời Lê Thái Tổ) của Nguyễn Trãi là *Dư địa chí*<sup>(3)</sup>. Nguyễn Trãi viết:

“Na, Tùng và Lương ở về Thanh Hoa.

Na, Tùng là hai tên núi. Lương là tên sông. Thanh Hoa là bộ Cửu Chân ngày xưa; thời Đường là Ái Châu, triều Lý lấy làm phủ Thanh Hoa”.

Phan Duy Tiết dịch và Giáo sư Hà Văn Tấn đã hiệu đính và chú thích. Cái chú thích này là của Giáo sư Hà Văn Tấn:

“Thanh Hóa là đất của quận Cửu Chân thời thuộc Hán, đến thời Đường là đất Ái Châu (tên Ái Châu có từ thời Lương Vũ đế). Thời Ngô, Đinh, Lê vẫn gọi là Ái Châu. Sang thời Lý, năm Thuận Thiên thứ 1 (1010), đổi Ái Châu thành trại. Năm Thiên Thành thứ 2 (1029) thì đổi làm phủ Thanh Hoa. Nhà Hồ lại đổi phủ Thanh Hoa làm phủ Thiên Xương cùng với Cửu Chân và Ái Châu làm miền phụ kỳ của Tây Đô. Thời thuộc Minh lại đặt làm phủ Thanh Hoa, gồm phủ Thanh Hoa, Ái Châu và Cửu Chân”.

---

(3). Nguyễn Trãi, *Dư địa chí*, Nxb. Văn học, 2001 (Nguyễn Trãi toàn tập), tập 2, tr.469.

Cuốn sách thứ 4 có tựa đề là *Sử học bị khảo*<sup>(4)</sup> của Đặng Xuân Bảng cũng viết như của Nguyễn Trãi: “Thời Lý đổi làm phủ Thanh Hóa” mà không có chú dẫn gì hơn.

Cuốn sách thứ 5 của Phan Bội Châu có tựa đề là *Việt Nam quốc sử khảo*<sup>(5)</sup> viết: “Thanh Hóa cổ gọi là bộ Cửu Chân; Trần gọi là Tượng Quận; Hán gọi là bộ Cửu Chân; Lương (502) gọi là Ái Châu; Lý gọi là trại; năm Thiên Thành thứ 2 (1029) đổi thành phủ Thanh Hóa; năm Quang Thuận thứ 7 (1466) đổi Lê gọi là Thừa tuyên; bản triều gọi là tỉnh Thanh Hóa”.

Phan Bội Châu là người quan tâm đến lịch sử Thanh Hóa, đã có những bài viết về Lê Thái Tổ, Lê Thánh Tông (viết sử nhưng khi đọc thấy rất cảm động). Đoạn ngắn viết về năm ra đời của tên gọi (danh xưng) Thanh Hóa rất dứt khoát, đáng để chúng ta quan tâm nghiên cứu.

Các tài liệu khác cũng cho ta những gợi ý:

Sách *Đồng Khánh dư địa chí* ghi: “Sự việc năm Thiên Thành thứ 2 (1029) đổi Thái Tông sứ vẫn ghi tên Ái Châu còn tên Thanh Hóa thì đến năm Hội Tường Đại Khánh 2 (1111) mới thấy ghi ở sự việc “phủ Thanh Hóa dâng cây cau một gốc chín thân...”. Có nghĩa là tác giả nói Danh xưng Thanh Hóa xuất hiện năm 1111.

Sách *Tỉnh Thanh Hóa* của H. Le Breton xuất bản năm 1924 viết “Đến đời nhà Đinh mới dựng tên Thanh Hóa để gọi một phần tỉnh bây giờ. Mười hai đạo giao cho Lê Hoàn coi, quê ở Châu Ái (Thanh Hóa...)”. Không rõ H. Le Breton căn cứ vào đâu để nói “đến đời nhà Đinh mới dựng tên Thanh Hóa...”. Sách *Tỉnh Thanh Hóa* của Charles RoBequin cũng nói Thanh Hóa ra đời năm 1111. Hai tác giả người Pháp nói về sự ra đời của danh xưng Thanh Hóa cách nhau hơn một nửa thế kỷ.

Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú (Nxb. KHXH, 1992) viết: “Nhà Lý đổi làm trại rồi đổi là phủ. Nhà Trần đổi là Thanh Hóa hoặc gọi là phủ...”

Xem thế Phan Huy Chú đưa ra thông tin Danh xưng Thanh Hóa mãi đến nhà Trần mới có.

Sách *Đất nước Việt Nam qua các đời* của Đào Duy Anh (Nxb. Thuận Hóa, 1995) viết: “Sử chép rằng, Lý Công Uẩn chia cả nước ra làm 24 lô, song sách *Toàn thư* và *Cương mục* chỉ chép tên 12 lô là: Trường Thiên lô, Quốc Oai lô, Hải Đông lô, Kiến Xương lô, Khoái lô, Hoàng Giang lô, Long Hưng lô, Bắc Giang lô, Trường Yên lô, Hồng lô, Thanh Hóa lô, Diễn Châu lô” (trang 117).

Trong mục Trần Thanh Hóa, Đào Duy Anh dẫn cương mục “Đời Đinh, Lê là Ái Châu, đời Lý đổi là trại, năm Thiên Thành thứ 2 (1029) đổi làm phủ Thanh Hóa...”.

Thanh Hóa có nhiều tấm văn bia thời Lý - Trần có thể góp phần giải thích về năm ra đời của “Danh xưng Thanh Hóa”. Trong số những tư liệu ấy phải kể

---

(4). Đặng Xuân Bảng, *Sử học bị khảo*, Nxb. VHTT, 1997, tr.414.

(5). Phan Bội Châu, *Việt Nam quốc sử khảo*, Nxb. Thuận Hóa, 1990, toàn tập, tập 2, tr.359 (Giáo sư Chương Thủ sưu tầm và biên soạn).

đến “Minh Tịnh tự bi văn”, “An Hoạch sơn Báo Ân tự bi ký”. Đây là 2 văn bia thời Lý còn lại trên đất Thanh Hóa<sup>(6)</sup>.

### **1. Bia chùa Minh Tịnh**

Bia khởi dựng ngày 15 tháng 2 năm Quảng Hựu thứ 6 (Canh Ngọ - 1090) đời Lý Nhân Tông ghi người lập bia là: Đồng tri, nay bia đặt tại nghè làng Tế Độ, huyện Hoằng Hóa, trông coi trại Thanh Hóa tước nội điện sùng ban Hoàng Thùa Nhĩ.

Câu mở đầu của văn bia: “Ông Hoàng Khánh Văn giữ chức quyền Thanh Hoa trại... khởi xướng công việc dựng chùa...”

Như vậy, năm 1090, ông Hoàng Khánh Văn đã “giữ chức quyền Thanh Hoa trại” và con ông là Hoàng Thùa Nhĩ đã là “Đồng tri trông coi trại Thanh Hóa”. Vậy thì trước đó đã có trại (Thanh Hóa) để cha con ông “trông coi”. Ông Hoàng Khánh Văn là cha, Hoàng Thùa Nhĩ là con, hai cha con đều là quan giữ chức “quyền” và “trông coi Thanh Hóa”.

### **2. Văn bia chùa Báo Ân**

Bia dựng năm Canh Thìn (1100) viết: “Người soạn thuật là Chu Văn Thường giữ chức Thự mãn thư lang, quản câu ngự phu, đồng trung thư, kiêm coi việc quân huyện Cửu Chân trại Thanh Hóa” (bia hiện dựng tại sân Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

Trong bia có đoạn “... đến năm Nhâm Tuất (1082), nhà vua đặc biệt ban thêm một quân Thanh Hóa cho ông (Lý Thường Kiệt) làm phong ấp, châu mục đều ngưỡng mộ phong thái, muôn dân đều mến đức chính...”

Xem văn bia chùa Báo Ân (ở núi An Hoạch, trấn Thanh Hóa) đã được khởi công từ năm 1099 đến năm 1100 thì hoàn thành), có thể khẳng định: Năm 1082 là năm nhà vua ban thêm một quân Thanh Hóa cho Lý Thường Kiệt là năm ra đời Danh xưng Thanh Hóa.

Tôi đã trình bày ý kiến về “Danh xưng Thanh Hóa”, chủ yếu là trích dẫn của các nhà sử học thời xưa. Tôi đã dừng lại ở các niên đại 1010, 1029, 1082 và 1111. Và tôi cho là nên chọn năm 1029. Đó là ý kiến của Nguyễn Trãi, của Quốc sử quán triều Nguyễn, của Đào Duy Anh.

---

(6). *Tuyển tập Văn bia Thanh Hóa*, tập 1, *Văn bia thời Lý - Trần*, Nxb. Thanh Hóa, 2012.